

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST

Ngày 12 tháng 7 năm 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy;

2. Ông Vũ Văn Sâm.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2).

Địa chỉ trụ sở: Tầng A và tầng 2, Tòa nhà Sailling Tower, số A A, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Hoàng H – Giám đốc trung tâm Q1, khối Ngân hàng bán lẻ - V2.

Người ủy quyền lại: Ông Hoàng Đức M – Cán bộ xử lý nợ (có mặt)

Địa chỉ: số F B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Công ty TNHH M1.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình – Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

Ngày 05/8/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V2) và Công ty TNHH M1, người đại diện là bà Đinh Thị Đ - Giám đốc có ký kết hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số 4172373.20 ngày 05/8/2020 và Khế ước nhận nợ số : 4172373(1).20 ngày 05/08/2020, nội dung cụ thể như sau: số tiền vay là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi đồng). Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 06/08/2020 đến ngày 05/08/2025 Lãi suất vay: 9.9%/năm. Lãi suất này là lãi suất

ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng với biên độ 4,1%/năm. Lãi suất quá hạn là 150%/năm lãi suất trong hạn, áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mục đích vay: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI NEW MIGHTY. Tài sản bảo đảm khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: NEW MIGHTY, biển kiểm soát 17C-137.12, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 033709 do Phòng Cảnh sát Công an tỉnh T cấp ngày 29/07/2020 đứng tên công ty TNHH M2- Đ. Tài sản này được thế chấp tại V2 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 1172554.20 ngày 05/08/2020

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH M1 không trả nợ đúng hạn, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký với V2. Khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 31/12/2022. Tính đến hết ngày 12/7/2024, Công ty TNHH M1 đã trả cho V2 tổng số tiền là: 131.423.231 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 91.000.222 đồng; trả nợ lãi trong hạn là 40.423.009 đồng) và còn nợ tổng số tiền là **455.643.610** đồng (trong đó nợ gốc là 298.999.778 đồng; nợ lãi trong hạn là 76.570.874 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.072.958 đồng).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty TNHH M2- Đ phải trả Ngân hàng TMCP Q (V2) số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2024 là: 455.643.610 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng), trong đó: Nợ gốc: 298.999.778 đồng, Nợ lãi: 76.570.874 đồng, Nợ lãi quá hạn: 80.072.958 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/7/2024 cho đến ngày công ty TNHH M2- Đ thanh toán toàn bộ khoản vay.

- Trường hợp công ty TNHH M2- Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: NEW MIGHTY, biển kiểm soát 17C-137.12, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 033709 do Phòng Cảnh sát Công an tỉnh T cấp ngày 29/07/2020 đứng tên công ty TNHH M2- Đ để thu hồi nợ cho V2.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì công ty TNHH M2- Đ phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

* Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án người đại diện của Công ty TNHH M2- Đ, bà Đinh Thị Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án.

Tại biên bản xác minh với ông Đinh Duy V1 (là bố đẻ bà Đinh Thị Đ) thể hiện: Bà Đinh Thị Đ kết hôn cùng ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 2014. Sau khi kết hôn năm 2019 bà Đ về mở công ty TNHH M2- Đ đặt tại nhà ông Đinh Duy V1 tại thôn Đ, xã A. Quá trình làm ăn do dịch bệnh nên công ty TNHH M2- Đ đã ngừng hoạt động từ năm 2021 cho đến nay. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: NEW MIGHTY, biển kiểm soát 17C-137.12 vẫn để tại gia đình ông. Hiện nay bà Đ đi

lao động tự do trên Hà Nội, bà Đ vẫn liên lạc với gia đình ông V1. Nay Ngân hàng yêu cầu công ty TNHH M2- Đ phải trả số tiền đã vay thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn Đ, cán bộ tư pháp xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Năm 2019 bà Đinh Thị Đ có mở công ty TNHH M2- Đ đặt tại nhà ông Đinh Duy V1 tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình làm ăn đến năm 2021 thì Công ty ngừng hoạt động. Hiện nay bà Đ đang sinh sống ở đâu, địa phương không rõ. Địa chỉ đăng ký kinh doanh của công ty TNHH M2- Đ là địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Đinh Duy V1 (là bố bà Đ).

Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn V, UBND xã T, huyện T thể hiện: Bà Đinh Thị Đ kết hôn cùng ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/11/2014. Từ năm 2017 bà Đ đã chuyển khẩu về thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện nay bà Đinh Thị Đ không có mặt tại địa phương, bà Đ đi đâu làm gì cơ sở thôn không nắm rõ do không thông báo với địa phương. Chồng bà Đ là ông Nguyễn Văn H1 bị tai biến mới từ bệnh viện trở về địa phương. Nay Ngân hàng yêu cầu công ty TNHH M2- Đ phải trả số tiền đã vay thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cung cấp: Qua tra cứu trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Công ty TNHH M2- Đ, mã số doanh nghiệp A không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, lần đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh lần gần nhất vào ngày 27/7/2020. Hiện tại công ty chưa tiến hành các thủ tục giải thể tại Sở kế hoạch đầu tư. Công ty có người đại diện theo pháp luật là bà Đinh Thị Đ.

Chi cục thuế khu vực Q2 - H cung cấp: Công ty TNHH M2- Đ, mã số doanh nghiệp A địa chỉ: Nhà bà Đ, thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, hiện người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Tổng số tiền thuế, lệ phí công ty đã nộp từ thời điểm thành lập (ngày 04/9/2028) đến thời điểm người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (ngày 28/02/2022) là 270.210.397 đồng.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: Đề nghị Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Công ty TNHH M1 phải trả toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là 455.643.610 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng), trong đó: Nợ gốc: 298.999.778 đồng, Nợ lãi: 76.570.874 đồng, N lãi quá hạn: 80.072.958 đồng. Công ty TNHH M1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nêu trong Hợp đồng kể từ sau ngày xét xử cho đến ngày Công ty TNHH M1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Về án phí: Công ty TNHH M1 phải chịu tiền án vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số

tiền phải thanh toán cho Ngân hàng. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện bị đơn Công ty TNHH M1 phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH M1 với Ngân hàng thì đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ Trụ sở tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Bị đơn có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn, bị đơn vay vốn là để phục vụ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, hai bên đều có mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... Tại phiên tòa ngày 14/6/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian xét xử vào ngày 12/7/2024, bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu của Nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty TNHH M1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trả số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 12/7/2024 là 455.643.610 đồng (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng*), trong đó: Nợ gốc: 298.999.778 đồng, Nợ lãi: 76.570.874 đồng, N lãi quá hạn: 80.072.958 đồng, Công ty TNHH M1 phải tiếp tục phải thanh toán phần lãi vay phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

Trường hợp công ty TNHH M2- Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: NEW MIGHTY, biển kiểm soát 17C-137.12, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 033709 do Phòng Cảnh sát an ninh T cấp ngày 29/07/2020 đứng tên công ty TNHH M2- Đ để thu hồi nợ cho V2. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì công ty TNHH M2- Đ phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

[2.2] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 4172373.20 ngày 05/8/2020 và Khế ước nhận nợ số: 4172373(1).20 ngày 05/08/2020 thể hiện Công ty TNHH M1 có

vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 390.000.000 đồng. Công ty TNHH M1 đã ký tên xác nhận đồng ý với các điều khoản của hợp đồng tín dụng. Việc thỏa thuận cho vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và Công ty TNHH M1 theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 luật các tổ chức tín dụng nêu trên là có hiệu lực thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH M1 đã nhận đủ số tiền vay 390.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2022 Công ty TNHH M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 12/7/2024, Công ty TNHH M1 đã trả cho V2 tổng số tiền là: 131.423.231 đồng (trong đó: trả nợ gốc là 91.000.222 đồng; trả nợ lãi trong hạn là 40.423.009 đồng) và còn nợ tổng số tiền là 455.643.610 đồng (trong đó nợ gốc là 298.999.778 đồng; nợ lãi trong hạn là 76.570.874 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.072.958 đồng).

Nay Công ty TNHH M1 vắng mặt nên không có lời khai, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, giấy giải ngân, phù hợp với lời khai của nguyên đơn đều thể hiện Công ty TNHH M1 có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và còn nợ chưa trả đầy đủ. Do đó yêu cầu trên của Nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q yêu cầu bị đơn Công ty TNHH M1 phải trả số tiền gốc và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét Công ty TNHH M1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q yêu cầu bị đơn Công ty TNHH M1 phải tiếp tục thanh toán phân lãi vay phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch:

Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được chấp nhận toàn bộ nên Công ty TNHH M1 có nghĩa vụ chịu án phí của số tiền 455.643.610 đồng là: 20.000.000 đồng + 4% x 55.643.610 đồng = 22.226.000 đồng (đã làm tròn).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với Công ty TNHH M1 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc Công ty TNHH M1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền nợ vay tính đến ngày 12/7/2024 là **455.643.610** đồng (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng*), trong đó: Nợ gốc: 298.999.778 đồng, Nợ lãi: 76.570.874 đồng, N lãi quá hạn: 80.072.958 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 12/7/2024 cho đến khi thi hành bản án xong, Công ty TNHH M1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 4172373.20 ngày 05/8/2020 và Khế ước nhận nợ số : 4172373(1).20 ngày 05/08/2020.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được quyền đề nghị yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: NEW MIGHTY, biển kiểm soát 17C-137.12, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 033709 do Phòng C Công an tỉnh T cấp ngày 29/07/2020 đứng tên công ty TNHH M2- Đ để thu hồi nợ cho V2. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì công ty TNHH M2- Đ phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

4. Về án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch: Công ty TNHH M1 có nghĩa vụ chịu án phí 22.226.000 đồng (*hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0004605 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh PhQ2, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh